

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ L  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 6 - 2021

V/v tranh chấp: “Hôn nhân và gia đình,  
Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuân Thu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hồ Thị Kim Liên.
2. Bà Lê Thị Thanh Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Đinh Ngọc Thanh T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 11B, đường A, khóm B, phường C, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*2. Bị đơn:* Ông Mai Phong C, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 11B, đường A, khóm B, phường C, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 3 năm 2021, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Đinh Ngọc Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Mai Phong C qua quá trình tìm hiểu quen

biết nhau, sau đó cả hai quyết định tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào ngày 29/8/2001 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L, tỉnh An Giang vào ngày 09/10/2001. Hôn nhân lần thứ nhất của ông bà. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cách sống, tính tình không phù hợp nhau nên thường xuyên cự cãi. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên nhủ nhưng ông C vẫn không sửa đổi tính tình để cùng bà xây dựng cuộc sống gia đình. Vì vậy cả hai đã chính thức ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay; trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không một lần tới lui.

- Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có hai con chung tên Mai Đình K, sinh ngày 31/10/2005 và Mai Đình Yên N, sinh ngày 15/12/2007. Hiện nay, hai con chung đang do bà trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục kể từ khi vợ chồng chính thức ly thân cho đến nay.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà tự thỏa thuận với ông C, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nhận thấy tình cảm của bà dành cho ông C không còn nên bà có yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C. Về con chung, bà yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi hai con chung tên Mai Đình K, sinh ngày 31/10/2005 và Mai Đình Yên N, sinh ngày 15/12/2007; bà không yêu cầu ông Cường cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Bà tự thỏa thuận với ông Cường, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Mai Phong C đã được Tòa án niêm yết Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông C đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải đến lần thứ hai; triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông C vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Tại văn bản trình bày ý kiến của hai con chung Mai Đình Yên N vào ngày 18/3/2021 và Mai Đình K vào ngày 22/3/2021 đều có nội dung thể hiện nguyện vọng của hai cháu là mong muốn Tòa án xem xét được tiếp tục sống chung với mẹ ruột là bà Đình Ngọc Thanh T trong trường hợp Tòa án chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông C.

*Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án,*

Nguyên đơn bà T có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 07/5/2021.

Bị đơn ông Mai Phong C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật:* Bà Đinh Ngọc Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Mai Phong C và có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền nuôi con chung nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn của vụ án là ông Mai Phong C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 11B, đường A, khóm B, phường C, thành phố L, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông C theo quy định tại Điều 171, Điều 175, Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của ông C không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông và cũng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông C là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Tuyền có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Tuyền là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Tuyền và ông C.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T trình bày, sau khi tìm hiểu nhau về mặt tình cảm thì bà với ông C quyết định thành vợ chồng. Ông bà có tổ chức lễ cưới vào ngày 29/8/2001 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L, tỉnh An Giang vào ngày 09/10/2001. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cách sống, tính tình vợ chồng không phù hợp nên cả hai thường xuyên cự cãi nhau. Chứng minh cho lời trình bày trên, bà T có cung cấp cho Tòa án Giấy chứng nhận kết hôn số 162/KH/2001, Quyền số 01 ngày 09/10/2001 do UBND phường Mỹ B cấp cho ông Mai Phong C và bà Đinh Ngọc Thanh T; Giấy khai sinh của hai con chung Mai Đình K, sinh ngày 31/10/2005 và Mai Đình YẾN N, sinh ngày 15/12/2007. Như vậy, bà T đã thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngược lại, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông C vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham dự phiên tòa, không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, lời trình bày

và chứng cứ mà bà T cung cấp là cơ sở để Tòa án xác định hôn nhân giữa bà T và ông C là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận nhưng vì mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn làm cho vợ chồng không còn chung sống, không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau kể từ tháng 6 năm 2020 đến nay là có thật; cho thấy ông bà đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Tuyền có yêu cầu được ly hôn ông C là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Tòa án chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Bà T xác định quá trình chung sống, bà với ông C có hai con chung tên Mai Đình K, sinh ngày 31/10/2005 và Mai Đình Yên N, sinh ngày 15/12/2007. Xét thấy, từ khi vợ chồng không còn chung sống cho đến nay, hai con chung sống cùng mẹ là bà T; dưới sự chăm sóc, giáo dục của bà T thì hai con chung sinh sống ổn định và phát triển bình thường, cho thấy bà T có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung. Do đó, việc bà T yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng của hai con chung và hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Tòa án chấp nhận. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì sau khi ly hôn, ông C vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi hai con chung, do bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi hai con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, vì quyền lợi của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản chung: Bà T tự thỏa thuận với ông C, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Bà T tự thỏa thuận với ông C, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002016 ngày 11/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh An Giang. Ông C không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 91; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Đinh Ngọc Thanh T được ly hôn với ông Mai Phong C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 162/KH/2001, Quyền số 01 ngày 09/10/2001 do Ủy ban nhân dân phường Mỹ Bình cấp cho ông Mai Phong C và bà Đinh Ngọc Thanh T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Mai Đình K, sinh ngày 31/10/2005 và Mai Đình Yên N, sinh ngày 15/12/2007 cho bà T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung thành niên, trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định pháp luật. Ông C không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung, do bà T không yêu cầu.

Bà T cùng các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông C được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cấm. Việc nuôi con chung không cố định. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng cho con.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đinh Ngọc Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002016 ngày 11/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh An Giang. Ông Mai Phong C không phải chịu án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do

chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPL;
- CCTHADS TPL;
- Các đương sự;
- UBND phường B, TPL, tỉnh An Giang;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Xuân Thu**